

BỘ Y TẾ
VIỆN SỐT RÉT-KST-CT
QUY NHƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 847 /VSR-KHTH

Bình Định, ngày 19 tháng 10 năm 2022

PHIẾU YÊU CẦU BÁO GIÁ LẦN 3

Đơn vị yêu cầu: Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn
Địa chỉ: Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
Điện thoại: 0256.3846571; số Fax: 0256.3846571

Kính gửi: Quý Công ty

Căn cứ Luật đấu thầu 43/2013/QH13; Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sử dụng nguồn vốn nhà nước để mua sắm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

Kính đề nghị các nhà cung cấp báo giá hóa chất, vật tư cho Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, cụ thể như sau:

1. Về giá:

- Giá hàng hóa đã bao gồm thuế VAT và toàn bộ phí, lệ phí, vận chuyển, bốc dỡ và giao hàng tại kho Viện.

- Đơn giá chào phải phù hợp với giá trúng thầu đã công khai trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm đơn vị chào giá, thời hạn hiệu lực của báo giá, giá hàng hóa chào đã kê khai theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021.

2. Phạm vi cung cấp:

* Yêu cầu chung cho toàn bộ danh mục hàng hóa:

- Hàng hóa mới 100%, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.
- Hàng hóa đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, phải tương thích với các thiết bị sử dụng.

- Đối với hàng hóa là trang thiết bị y tế phải được phân loại trang thiết bị y tế theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 8/11/2021 của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế và được phân nhóm theo Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020

của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đầu thầu trang thiết bị Y tế tại cơ sở y tế công lập.

- Yêu cầu báo giá theo mẫu kèm theo phiếu yêu cầu báo giá.

* Yêu cầu cụ thể về danh mục hàng hóa:

TT	Tên hàng hóa	Quy cách	ĐVT
I	Bộ xét nghiệm giun sán		
1	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng amip	96 test/bộ	Bộ
2	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng gạo lợn	96 test/bộ	Bộ
3	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng sán lá gan lớn	96 test/bộ	Bộ
4	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun đầu gai	96 test/bộ	Bộ
5	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun lươn	96 test/bộ	Bộ
6	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun đũa chó	96 test/bộ	Bộ
7	Bộ xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán dải chó	96 test/bộ	Bộ
II	Hóa chất và vật tư dùng cho máy miễn dịch tự động 1		
1	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	50test/hộp	hộp
2	Hóa chất xét nghiệm HBsAg	200test/hộp	hộp
3	Hóa chất xét nghiệm anti HCV	200test/hộp	hộp
4	Hóa chất tạo môi trường phản ứng	2x1,5lit/hộp	hộp
5	Hóa chất rửa kim hút 1	2x25ml/hộp	hộp
6	Hóa chất rửa hệ thống	2x1,5lit/hộp	Hộp
7	Hóa chất rửa kim hút 3	50ml/hộp	Hộp
8	Hóa chất rửa máy, phản ứng	3lit/hộp	Hộp
9	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBeAg	2x2x10ml/hộp	Hộp
10	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	2x2x10ml/hộp	Hộp
11	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCV	2x2x7ml/hộp	Hộp
12	Cống đựng hóa chất hiệu chuẩn 1ml	1000 cái/bi	Bi
13	Đầu côn hút	6480 cái/gói	gói
14	Cống phản ứng	3000 cái/ hộp	Bi
III	Hóa chất dùng cho máy huyết học 1		
1	Hóa chất tạo dòng chảy trong xét nghiệm huyết học	20 lít/bình	bình
2	Hóa chất rửa máy huyết học	2 x 1620 ml	hộp
3	Hóa chất đo công thức máu	9875ml/thùng	thùng
4	Hóa chất đo các thành phần bạch cầu	9070ml/thùng	thùng
5	Hóa chất control huyết học mức thấp	4 x 4ml	hộp
6	Hóa chất control huyết học mức trung	4 x 4ml	hộp
7	Hóa chất control huyết học mức cao	4 x 4ml	hộp
IV	Hóa chất và vật tư cho máy sinh hóa		
1	Đo hoạt độ ALT (GPT)	300ml/hộp	hộp
2	Đo hoạt độ AST (GOT)	200ml/hộp	hộp
3	Định lượng Bilirubin trực tiếp	160ml/hộp	hộp
4	Định lượng Bilirubin toàn phần	320ml/hộp	hộp
5	Định lượng Cholesterol toàn phần	180ml/hộp	hộp
6	Định lượng Creatinin	408ml/hộp	hộp
7	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	320ml/hộp	hộp
8	Định lượng Glucose	320ml/hộp	hộp
9	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	273,6 ml/hộp	hộp
10	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	5ml/lọ	Lọ

11	Định lượng Triglycerid	250ml/hộp	hộp
12	Định lượng Ure	424ml/hộp	hộp
13	Định lượng Acid Uric	240ml/hộp	hộp
14	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	5 lít/bình	bình
15	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	1 lọ 5ml/hộp	hộp
16	Lõi lọc thô 1 micron	1 cái/hộp	cái
17	Lõi lọc thô 5 micron	1 cái/hộp	cái
18	Dây bơm	2 cái/túi	túi
19	Lõi lọc RO 300	1 cái/hộp	cái
V Hóa chất dùng cho máy huyết học 2			
1	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	3x3,5ml/lọ	bộ
2	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	5lít/hộp	hộp
3	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	10lít/hộp	hộp
4	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	1900ml+ 850ml/hộp	hộp
5	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	10 lít/hộp	hộp
6	Chất chuẩn máy dùng trên máy phân tích huyết học	1x3,3ml/hộp	hộp
7	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS trên máy phân tích huyết học	1x4ml/hộp	lọ
VI Hóa chất và vật tư dùng cho máy nước tiểu tự động			
1	Cartridge 12 thông số	450 test/hộp	Hộp
2	Test chuẩn âm tính	25 test/hộp	Hộp
3	Test chuẩn dương tính	25 test/hộp	Hộp
4	Ống đựng mẫu nước tiểu	1.500 cái/ thùng	cái
VII Hóa chất và vật tư dùng cho máy miễn dịch tự động 2			
1	Chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ab	3x3.5ml+ 3x3.5ml	hộp
2	Phát hiện HBs Ag	2x50test	hộp
3	Chất chuẩn HBs Ag	2x2.7ml/hộp	hộp
4	Chất kiểm tra xét nghiệm HBsAg	6x4ml/hộp	hộp
5	Cơ chất phát quang	4x130ml/hộp	hộp
6	Dung dịch rửa máy hàng ngày	3,8 lít/ bình	Bình
7	Dung dịch rửa máy hàng ngày	1lít/bình	Bình
8	Dung dịch rửa dòng máy DxI	10lít/thùng	thùng
9	Tuýp dùng chạy QC, Clib cho máy DxI	1000 cái/gói	gói
10	tuýp phản ứng	1000 cái/gói	gói
VIII Vật tư thông thường			
1	Anti ABO (Anti A, Anti B, Anti AB)		Bộ
2	Băng keo cá nhân	100 miếng/hộp	Cái
3	Bơm tiêm 3cc	100 cái/hộp	Cái
4	Bông thấm nước	100 gam/gói	gói
5	Đầu côn trắng 0.5-10µl	1000 cái/bì	cái
6	Đầu côn vàng có khía 200µl	1000 cái/bì	cái
7	Găng tay y tế có bột	50 đôi/ Hộp	đôi
8	Khâu trang Y tế	50 cái/ Hộp	Cái
9	Ống EDTA chân không	2400 ống/	ống

Y
I
F
H
T
Y
N

		thùng	
10	Ống nghiệm có nắp 1,5ml	1000 cái/ bì	cái
11	Ống Serum (ống nắp đỏ)	500 ống/bì	Cái
12	Ống trắng không nắp	500 ống/bịch	ống
13	Phim X-quang KTS 20x25cm	100 tấm/hộp	hộp

* Yêu cầu nộp báo giá: gửi bưu điện về Phòng Kế hoạch-Tổng hợp, Viện Sốt rét- Ký sinh trùng-Côn trùng Quy Nhơn. Khu vực 8, Phường Nhơn Phú, Tp. Quy Nhơn, Bình Định, bản Fax: 0256.3864571 hoặc 01 bảng mềm qua Email: viensrqn@impe-qn.org.vn.

- **Thời điểm nộp báo giá:** Trước 16 giờ 00 ngày 26/10/2022.

Rất mong sự hợp tác của các đơn vị cung cấp báo giá, giúp Viện lựa chọn được nhà cung cấp hàng hóa phục vụ công tác chuyên môn.

Xin trân trọng cảm ơn./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KHTH, TCKT, Tổ thầu.



VIỆN TRƯỞNG

Hồ Văn Hoàng

VIỆN SỐT RẾT KÝ SINH TRÙNG CÔN TRÙNG QUY NHƠN

BÁO GIÁ

ĐVT: Đồng

TT	Tên hóa chất, vật tư	Tên thương mại	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại (Nghị định 98/2021/NĐ-CP)	Phân nhóm (TT 14)	Chi tiết kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Đơn giá có VAT và các chi phí khác	Ghi chú
1											
2											